TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày: 05-7-2019.
Về việc"Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh;

2/ Ông Huỳnh Quan Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 614/2019/TLST-DS ngày 14-12-2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số nhà G 2/3, ấp L, xã B, huyện H, tỉnh T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Kim V, sinh năm 1967; Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: 69, ấp LT, xã B, huyện H, tỉnh T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Khoảng tháng 09-2016 (âm lịch) bà có cho vợ chồng chị Nguyễn Kim V, anh Nguyễn Quốc L vay 25.000.000 đồng, ngày 25-10-2016 (âm lịch) bà tiếp tục cho chị V, anh L vay 1.000 Đô la Mỹ, hai bên tự thỏa thuận quy đổi thành tiền Việt Nam là 25.000.000 đồng. Sau khi bà cho vợ chồng chị V, anh L vay 1.000 Đô la Mỹ thì bà mới yêu cầu chị V viết giấy mượn tiền giao cho bà giữ. Mục đích chị V, anh L vay tiền của bà là để làm ăn, không hẹn ngày trả do bà tin tưởng chị V và anh L. Từ sau khi bà cho chị V, anh L vay thì chị V có trả cho bà được 8.000.000 đồng, lúc này chị V nói với bà là trả tiền lãi của khoản tiền vay nêu trên nên bà nhận vì giữa bà với chị V, anh L không thỏa thuận tiền lãi suất. Từ ngày bà cho vay đến nay bà đã nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng chị V, anh L cố tình

không trả cho bà, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị V, anh L trả cho bà số tiền vay tổng cộng là 42.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Kim V và anh Nguyễn Quốc L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/*Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng*:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3/Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Kim và anh Nguyễn Quốc L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, chị V, anh L.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T đối với khoản tiền vay bằng Tiền Việt Nam Đồng 25.000.000 đồng thì thấy rằng: Khi khởi kiện bà T có cung cấp được giấy nợ gốc theo bà T trình bày đây là chữ viết của chị V, quá trình Tòa án làm việc thì chị V, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Giấy mượn nợ do một mình chị V ký tên nhưng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị V và anh L, nhằm mục đích kinh doanh trong gia đình, nên cần buộc anh L có nghĩa vụ cùng trả nợ với chị V, do đó có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện này. Bà T cũng thừa nhận chị V, anh L đã trả được 8.000.000 đồng nên cần buộc chị V, anh L trả cho bà T số tiền vay còn lại là 17.000.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T đối với khoản tiền vay là 1.000 Đô la Mỹ thì đây là giao dịch bằng ngoại tệ: các giao dịch giữa các cá nhân về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt nam là trái với quy định tại Điều 22 pháp lệnh ngoại hối vì hai

bên không thuộc đối tượng được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự. Do đó, giao dịch vay 1.000 Đô la Mỹ giữa bà T với chị V, anh L thực hiện vào ngày 21-10-2016 (âm lịch) là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 123 và Điều 131 của BLDS. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật Dân sự, cần buộc chị V, anh L hoàn trả cho bà T số tiền 1.000 Đô la Mỹ quy đổi thành tiền Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử. Cụ thể là theo Thông báo số 195/TB-NHNN ngày 05-7-2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì 1 Đô la Mỹ = 23.061 đồng. Nên cần buộc chị V, anh L trả cho bà T số tiền là 1.000 Đô la Mỹ x 23.061 đồng = 23.061.000 đồng.

[3] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Chị Thu, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 123, 131, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T với chị Nguyễn Kim V, anh Nguyễn Quốc L về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Tuyên bố "Hợp đồng vay tài sản" đối với khoản tiền 1.000 Đô la Mỹ giữa bà Nguyễn Thị Kim T với chị Nguyễn Kim V, anh Nguyễn Quốc L vô hiệu. Buộc chị Nguyễn Kim V, anh Nguyễn Quốc L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 23.061.000 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Buộc chị Nguyễn Kim V, anh Nguyễn Quốc L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền vay là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Ghi nhận bà T không yêu cầu chị V, anh L trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị V, anh L không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị V, anh L còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: chị Nguyễn Kim V, anh Nguyễn Quốc L phải chịu 2.003.000 đồng (Hai triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly